

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: Số 189 Đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, TP Hải Phòng

Tel: 0313 614 018 - Fax: 0313 614016

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/06/2014

Kèm theo
BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Được soát xét bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 03- Ngõ 1295 - Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: (043) 9745081/82 Fax: (043) 9745083

Hà Nội, tháng 08 năm 2014

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
2	Báo cáo soát xét của Kiểm toán viên	5
3	Báo cáo tài chính đã được soát xét	
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>	6 – 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ</i>	9
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ</i>	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/06/2014.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ Phần số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 9, ngày 11 tháng 10 năm 2013. Theo đó;

Trụ sở chính của Công ty : Số 189 Đình Vũ, P Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
Vốn điều lệ của Công ty : 128.700.000.000 đồng
Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 47/2009/GCNCP- VSD do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 01/09/2009, thay đổi lần thứ 1 ngày 24/02/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 10/03/2011. Theo đó, ngày 27/02/2012 là ngày giao dịch đầu tiên của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết : Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết : Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng máy móc thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết : Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung; Dịch vụ Logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng)
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ móc và bán rơ mooc;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa đường sắt
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát tại ngày lập báo cáo tài chính này gồm;
Các thành viên của Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị vào ngày lập báo cáo này như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Bùi Chí Hùng	Chủ tịch HĐQT	23/03/2013	30/03/2018
2	Ông Lê Thái Cường	Thành viên HĐQT	23/03/2013	30/03/2018
3	Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Thành viên HĐQT	23/03/2013	30/03/2018
4	Bà Vũ Thị Phú	Thành viên HĐQT	23/03/2013	30/03/2018
5	Ông Hoàng Anh Dũng	Thành viên HĐQT	26/04/2014	30/03/2018
6	Ông Lê Hoài Nam	Thành viên HĐQT	26/04/2014	30/03/2018
7	Bà Đào Kim Phương	Thành viên HĐQT	23/03/2013	30/03/2018

Ban Tổng Giám đốc

1	Ông Hoàng Anh Dũng	Tổng Giám đốc
2	Ông Lê Thái Cường	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

1	Bà Nguyễn Thị Hiệt	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Trần Thị Kim Hồng	Thành viên BKS
3	Văn Thị Thanh Bình	Thành viên BKS

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Bùi Chí Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tài chính tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/06/2014. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
-
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Hải Phòng, ngày 29 tháng 07 năm 2014

TM. Công ty

Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Ký tên, đóng dấu)



BÙI CHÍ HÙNG



Số: 105 /2014/CPA-BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
của Công ty cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính của Công ty cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải được lập ngày 29/07/2014, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 được trình bày từ trang 10 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà nội, ngày 08 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Kiểm toán viên

LÊ VĂN TUẤN

Giấy CNĐKHN số 1695/2013-016-1

Tổng Giám đốc



NGUYỄN NGỌC TỈNH

Giấy CNĐKHN số 0132/2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.177.276.965	44.754.921.661
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.781.033.681	8.537.301.384
1. Tiền	111	V.01	6.781.033.681	8.537.301.384
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.800.000.000	16.059.500.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	12.800.000.000	16.059.500.000
III. Các khoản phải thu	130		10.264.796.290	6.611.223.497
1. Phải thu khách hàng	131	V.03	1.707.435.487	2.639.055.071
2. Trả trước cho người bán	132	V.04	-	100.000.000
3. Các khoản phải thu khác	138	V.05	8.557.360.803	3.872.168.426
IV. Hàng tồn kho	140		4.836.144.606	4.836.144.606
1. Hàng tồn kho	141	V.06	5.473.524.606	5.473.524.606
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(637.380.000)	(637.380.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.495.302.388	8.710.752.174
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	420.255.217	309.668.935
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.08	-	18.100.727
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.075.047.171	8.382.982.512
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		161.029.151.063	162.844.977.388
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.423.150.874	8.144.636.264
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	7.423.150.874	8.144.636.264
- Nguyên giá	222		13.963.286.755	13.963.286.755
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(6.540.135.881)	(5.818.650.491)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		153.230.120.074	154.195.120.074
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	128.595.120.074	128.595.120.074
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.27.3.4	24.635.000.000	25.600.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		375.880.115	505.221.050
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	375.880.115	505.221.050
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		202.206.428.028	207.599.899.049

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		20.064.164.098	21.349.330.143
I. Nợ ngắn hạn	310		19.759.164.100	20.999.330.143
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	15.887.879.202	16.951.737.376
2. Phải trả người bán	312	V.13	1.087.723.041	1.554.790.974
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	679.386.353	679.386.353
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	518.766.561	263.720.730
5. Phải trả công nhân viên	315		107.565.245	83.557.520
6. Chi phí phải trả	316		171.991.500	20.333.333
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.16	1.147.969.811	1.403.081.790
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	353		157.882.387	42.722.067
II. Nợ dài hạn	320		304.999.998	350.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	323	V.17	304.999.998	350.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		182.142.263.930	186.250.568.906
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	182.142.263.930	186.250.568.906
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128.700.000.000	128.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.615.359.500	9.615.359.500
3. Cổ phiếu quỹ	414		(2.524.789.900)	(2.524.789.900)
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		337.506.100	225.534.038
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		46.014.188.230	50.234.465.268
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		202.206.428.028	207.599.899.049

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	ĐVT	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
----------	-----	-------------	------------	------------

1. Ngoại tệ các loại	USD		100,20	100,14
----------------------	-----	--	--------	--------

Người lập

Kế toán trưởng




Nguyễn Thu Thủy

Nguyễn Thu Thủy



Hải Phòng, ngày 29 tháng 07 năm 2014

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bùi Chí Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2014	Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2013
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.19	12.815.756.081	11.714.737.338
2. Các khoản giảm trừ	03		-	-
+ Chiết khấu thương mại			-	-
+ Giảm giá hàng bán			-	-
+ Hàng bán bị trả lại			-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		12.815.756.081	11.714.737.338
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	10.889.501.115	10.262.105.909
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		1.926.254.966	1.452.631.429
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	12.926.224.959	14.521.115.525
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	610.850.057	467.255.215
Trong đó: Lãi vay	23		610.850.057	467.255.215
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.400.585.255	1.296.128.289
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.841.044.613	14.210.363.450
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.841.044.613	14.210.363.450
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.23	410.484.745	238.926.181
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.430.559.868	13.971.437.269
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.24	985	1.094

Người lập

Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Thủy



Hải Phòng, ngày 29 tháng 07 năm 2014

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bùi Chí Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	MS	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2014	Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2013
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
khác	01		14.223.684.566	11.907.349.445
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(5.864.398.289)	(13.578.406.629)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(640.102.465)	(542.709.306)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(627.183.390)	(75.533.271)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(461.815.774)	(184.251.833)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		24.194.198.183	33.757.680.174
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(26.133.482.865)	(33.455.176.841)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.690.899.966	(2.171.048.261)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.000.000)	(11.604.545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	VII.30	(4.250.000.000)	(29.229.982.453)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	VII.30	8.474.500.000	20.863.710.728
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VII.30	8.633.912.360	19.323.749.162
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.851.412.360	10.945.872.892

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2014

Chỉ tiêu	MS	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2014	Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2013
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	31		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		800.000.000	5.005.167.510
3. Tài sản ngắn hạn khác	34		(7.399.064.165)	(8.634.562.772)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.699.515.864)	(6.822.501.025)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19.298.580.029)	(10.451.896.287)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.756.267.703)	(1.677.071.656)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.537.301.384	4.914.169.156
<i>ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ</i>	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		6.781.033.681	3.237.097.500

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Thu Thủy

Bùi Chí Hùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/06/2014

I. Thông tin doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 9, ngày 11 tháng 10 năm 2013. Theo đó;

Trụ sở chính của Công ty: Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng
Vốn điều lệ của Công ty: 128.700.000.000 đồng
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

2. Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết : Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết : Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng máy móc thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết : Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung; Dịch vụ Logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng)
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ móc và bán rơ moóc;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa đường sắt
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 47/2009/GCNC-P-VSD do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 01/09/2009, thay đổi lần thứ 1 ngày 24/02/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 10/03/2011. Theo đó, ngày 27/02/2012 là ngày giao dịch đầu tiên tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/06/2014

Công ty có các Công ty con sau :

• **Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200183294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 18 tháng 6 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 15 tháng 10 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.700.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Km 104+ 200 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa, làm thủ tục thông quan.

Công ty nắm giữ 99,68% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2014.

• **Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600336943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 29 tháng 9 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 29 tháng 05 năm 2014. Theo đó:

Vốn điều lệ : 3.500.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2014.

• **Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải**

Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200663942 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 21 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 22 tháng 05 năm 2014. Theo đó:

Vốn điều lệ : 10.800.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính là Kinh doanh vận tải đường bộ, sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải.

Công ty nắm giữ 99,35% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2014.

• **Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải**

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200644957 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 22 tháng 05 năm 2014. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải.

Công ty nắm giữ 99% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2014.

• **Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội**

Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102805652 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 6, ngày 28 tháng 05 năm 2014. Theo đó:

Vốn điều lệ : 2.520.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : P212, Nhà N3A, đường Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/06/2014

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là Bán buôn nước hoa, mỹ phẩm, các dịch vụ vận tải khác. Dịch vụ kho bãi.

Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2014.

• Công ty TNHH Container Minh Thành

Công ty TNHH Container Minh Thành (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0200667880 do Sở kế hoạch & Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 10 tháng 04 năm 2006, thay đổi lần thứ 6 ngày 15 tháng 10 năm 2013. Theo đó;

Vốn điều lệ : 24.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là Cho thuê kho bãi, nhà hàng, lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 75,83% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2014.

• Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải

Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duyên Hải (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201129229 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 11 năm 2011, thay đổi lần thứ 2, ngày 04 tháng 09 năm 2013. Theo đó;

Vốn điều lệ : 999.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chính là Bán buôn, lẻ nước hoa, mỹ phẩm, nhà hàng.

Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2014.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm..

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là đồng).

III. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“ VND ”), phù hợp với Chế độ kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành kèm theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4);
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5);

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/06/2014

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/06/2014

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được hạch toán theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao TSCĐ hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	06 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

5.1. Nguyên tắc ghi nhận

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ giá trị đầu tư.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này, bao gồm:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/06/2014

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là giá trị chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

10.3. Doanh thu hoạt động tài chính:

Tiền lãi:

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/06/2014

Cổ tức:

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

12. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 là 22%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT được kê khai và hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2014

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

1	Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Tiền mặt	1.363.292.259	715.221.852
	Tiền gửi ngân hàng	5.417.741.422	7.822.079.532
	Cộng	6.781.033.681	8.537.301.384

2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	<i>Đầu tư ngắn hạn khác</i>		
	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải (*).	7.900.000.000	7.559.500.000
	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải (**)	4.900.000.000	7.000.000.000
	Công ty TNHH Container Minh Thành	-	1.500.000.000
	Cộng	12.800.000.000	16.059.500.000

(*). Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải theo Hợp đồng vay vốn số 01/HDCVV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm. Công ty con dùng khoản vay này để đầu tư mua sắm bổ sung phương tiện vận tải.

(**). Khoản đầu tư vào Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải vay theo Hợp đồng vay vốn số 02/HDCVV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm. Công ty con dùng khoản vay này để đầu tư, xây mới Trung tâm bảo hành, xưởng, VP làm việc.

3	Phải thu khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3,1	Phải thu các bên liên quan	322.773.322	663.926.992
	(Xem phần thuyết minh BCTC, Mục 27.3.2)		
	<i>Phải thu thương mại</i>	<i>1.384.662.165</i>	<i>1.975.128.079</i>
	Cộng	1.707.435.487	2.639.055.071

4	Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Công ty Kiểm toán và kế toán Hà Nội	-	100.000.000
	Cộng	-	100.000.000

5	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	<i>Phải thu khác</i>		
5,1	Phải thu khác của các bên liên quan	377.595.056	216.093.087

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2014

Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	58.666.667	59.755.556
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	127.148.500	34.933.333
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	58.916.000	-
Công ty TNHH Container Minh Thành	132.863.889	121.404.198
5,2 Phải thu lợi nhuận của các Công ty con	8.086.516.972	3.562.789.198
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	660.117.815	68.804.816
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	1.829.819.748	2.135.163.327
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	4.388.916.149	309.545.441
Công ty TNHH Container Minh Thành	933.923.021	664.009.899
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	273.740.239	385.265.715
5,3 Phải thu đối tượng khác	93.248.775	93.286.141
Phải thu khác của cán bộ nhân viên	93.248.775	93.286.141
Cộng	8.557.360.803	3.872.168.426
6 Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng hóa	5.473.524.606	5.473.524.606
Cộng	5.473.524.606	5.473.524.606
<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ:</i>	<i>(637.380.000)</i>	<i>(637.380.000)</i>
7 Chi phí trả trước ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ, thiết bị văn phòng	420.255.217	309.668.935
Cộng	420.255.217	309.668.935
8 Thuế GTGT được khấu trừ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế Giá trị gia tăng	-	18.100.727
Cộng	-	18.100.727
9 Tài sản cố định hữu hình (Phụ lục 01)		
10 Các khoản đầu tư vào Công ty con	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	14.503.099.339	14.503.099.339
- Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	32.867.444.563	32.867.444.563
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	45.655.576.172	45.655.576.172

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2014

- Công ty TNHH MTV VT Đa PT Duyên Hải Hà Nội	2.520.000.000	2.520.000.000
- Công ty TNHH Container Minh Thành	25.550.000.000	25.550.000.000
- Công ty TNHH Thời trang mỹ phẩm Duyên Hải	999.000.000	999.000.000
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	6.500.000.000	6.500.000.000

Cộng	128.595.120.074	128.595.120.074
-------------	------------------------	------------------------

11 Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa xe nâng số 5	334.001.250	445.335.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	41.878.865	59.886.050
Cộng	375.880.115	505.221.050

12 Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn		
<i>a. Ngân hàng</i>	1.037.879.202	2.051.737.376
Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN - CN Đông Hải Phòng (1)	1.037.879.202	2.051.737.376
<i>b. Đối tượng khác</i>	14.850.000.000	14.900.000.000
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải (2)	13.250.000.000	13.900.000.000
Các đối tượng khác (3)	1.600.000.000	1.000.000.000
Cộng	15.887.879.202	16.951.737.376

(1). Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2285181.001/2012/HĐTD ngày 26/12/2012 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hải Phòng và Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải lãi suất vay được áp dụng theo từng thời điểm. Tài sản thế chấp cho khoản vay này là 10 xe Ô tô đầu kéo, rơ moóc nhãn hiệu Hải Âu và 01 xe nâng Konecraines số 05.

(2). Khoản vay của Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải theo Hợp đồng vay vốn số 01/HDCVV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm. Vay bằng tín chấp, Công ty sử dụng khoản vay này để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

(3). Khoản vay của cá nhân, lãi suất 11%/năm, vay bằng tín chấp. Công ty sử dụng khoản vay này để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

13 Phải trả người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
13.1 Phải trả các bên liên quan	1.050.511.926	1.483.953.740
(Xem phần thuyết minh BCTC, Mục 27.3.5)		
13.2 Phải trả thương mại	37.211.115	70.837.234
Cộng	1.087.723.041	1.554.790.974

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2014

14	Người mua trả tiền trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	657.000.000	657.000.000
	CN Công ty TNHH Shipco Transport VN tại Hải Phòng	22.386.353	22.386.353
	Cộng	679.386.353	679.386.353
15	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	209.311.701	260.642.730
	Thuế thu nhập cá nhân	272.936.750	3.078.000
	Thuế GTGT đầu ra	36.518.110	-
	Cộng	518.766.561	263.720.730
16	Các khoản phải trả phải nộp khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
16.1	<i>Phải trả phải nộp các bên liên quan</i>	88.333.333	84.333.333
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	88.333.333	84.333.333
16.2	<i>Phải trả phải nộp khác</i>	1.059.636.478	1.318.748.457
	Thuế TNCN, BHXH, BHYT	6.065.280	5.477.520
	Phải trả khác	244.657.472	533.626.323
	Doanh thu chưa thực hiện	295.849.161	295.849.299
	Phải trả cổ tức	477.434.950	445.521.350
	Các đối tượng khác	35.629.615	38.273.965
	Cộng	1.147.969.811	1.403.081.790
17	Phải trả dài hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	304.999.998	350.000.000
	Cộng	304.999.998	350.000.000
18	Vốn chủ sở hữu		
a.	Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu <Phụ lục số 02>		
b.	Chi tiết nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Vốn góp của Cổ đông sáng lập	17.948.200.000	78.938.100.000
	Vốn góp của cổ đông khác	29.683.770.000	8.206.170.000
	Vốn góp của Cổ đông ngoài	81.068.030.000	41.555.730.000
	Cộng	128.700.000.000	128.700.000.000
c.	Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2014

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.870.000	12.870.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.620.000	12.620.000
Cổ phiếu phổ thông	12.620.000	12.620.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	250.000	250.000
Cổ phiếu phổ thông	250.000	250.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.620.000	12.620.000
Cổ phiếu phổ thông	12.620.000	12.620.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu	-	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

19	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ này	Kỳ trước
	- <i>Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ:</i>		
	+ Doanh thu Shipline	913.218.913	1.092.956.410
	+ Doanh thu khai thác CFS	2.375.671.815	3.028.317.973
	+ Doanh thu bãi	2.680.020.965	788.927.407
	+ Doanh thu vận tải	455.950.034	848.551.361
	+ Doanh thu thương mại, dịch vụ	6.390.894.354	5.955.984.187
	Cộng	12.815.756.081	11.714.737.338
20	Giá vốn hàng hóa và dịch vụ:	Kỳ này	Kỳ trước
	+ Giá vốn Shipline	914.221.323	1.091.767.275
	+ Giá vốn khai thác CFS	2.375.671.822	3.028.017.886
	+ Giá vốn bãi	2.673.691.879	641.327.405
	+ Giá vốn vận tải	352.110.451	733.026.733
	+ Giá vốn thương mại, dịch vụ	4.573.805.640	4.767.966.610
	Cộng	10.889.501.115	10.262.105.909
21	Doanh thu hoạt động tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
	- Lãi tiền gửi ngân hàng	12.033.592	16.334.604
	- Lợi nhuận được chia từ các công ty con	10.975.204.864	13.254.658.727
	- Chênh lệch tỷ giá	27.782	4.364.516
	- Lãi cho vay theo HĐ	1.938.958.721	1.245.757.678
	Cộng	12.926.224.959	14.521.115.525

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2014

22	Chi phí hoạt động tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
	- Chênh lệch tỷ giá	-	-
	- Chi phí lãi vay	610.850.057	467.255.215
	Cộng	610.850.057	467.255.215
23	Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Kỳ này	Kỳ trước
	1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.841.044.613	14.210.363.450
	2. Các khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế	10.975.204.864	13.254.658.727
	3. Các khoản chi phí không được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế	0	-
	4. Số thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ (4=1-2+3)	1.865.839.749	955.704.723
	5. Thuế suất thuế TNDN	22%	25%
	6. Chi phí thuế TNDN hiện hành (6=5*4)	410.484.745	238.926.181
	7. Số thuế được miễn giảm trong kỳ	-	-
	8. Số thuế phải nộp thêm năm 2013 do xác định lại	-	-
	9. Thuế TNDN phải nộp quý 2 năm 2014(9=6-7+8)	410.484.745	238.926.181
24	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ.		
	Công ty đã sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu		
		Kỳ này	Kỳ trước
	+ Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	12.430.559.868	13.971.437.269
	+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác	-	-
	Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
	Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
	+ Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.430.559.868	13.971.437.269
	+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.620.000	12.770.000
	+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	985	1.094
25	Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Kỳ này	Kỳ trước
	Chi phí khấu hao TSCĐ	682.516.260	743.107.928
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.206.984.855	9.518.997.981
	Cộng	10.889.501.115	10.262.105.909
26	Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động doanh nghiệp	Tại ngày 30/06/2014	
	a. Bố trí cơ cấu tài sản:		
	- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%)		79,6%
	- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)		20,4%
	b. Tỷ suất sinh lợi:		

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2014

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	97,0%
---	-------

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	6,8%
--	------

c. Tình hình tài chính:

- Tỷ lệ nợ phải trả / Tổng tài sản	9,9%
------------------------------------	------

- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng tài sản (%)	9,7%
---	------

- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/Tổng vốn chủ sở hữu)	4,1%
--	------

27 Nghiệp vụ với các bên liên quan**27.1 Danh sách các bên liên quan đã có giao dịch trong kỳ với Công ty:**

TT	Tên tổ chức/ Cá nhân	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con
2	Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Công ty con
3	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con
4	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con
5	Công ty TNHH MTV vận tải Đa PT Duyên Hải Hà Nội	Công ty con
6	Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	Công ty con
7	Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con
8	Công ty Cổ phần Hàng Hải MACS	Cổ đông lớn
9	Ông Hoàng Anh Dũng	Cổ đông lớn

27.2 Những giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền (đồng)
---------------	--------------------	----------------

27.2.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	1.103.126.317
2	Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	41.823.008
3	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	1.301.789.663
4	Công ty TNHH Vtải Duyên Hải Phú Thọ	Doanh thu dịch vụ	50.189.306
6	Công Ty TNHH Container Minh Thành	Doanh thu dịch vụ	1.452.379.613
7	Cty TNHH MTVVT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	Doanh thu dịch vụ	3.981.058

Cộng	3.953.288.965
-------------	----------------------

27.2.2 Giá vốn

	Số tiền (đồng)
--	-----------------------

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	4.193.687.507
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	2.398.525.743
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	318.055.000

Cộng	6.910.268.250
-------------	----------------------

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2014

27.2.3 Tiền chi cho vay (Xem phần Thuyết minh tại Mục 30c)**27.2.4 Thu hồi tiền cho vay (Xem phần Thuyết minh tại Mục 30d)****27.2.5 Doanh thu hoạt động tài chính****Số tiền (đồng)****Lợi nhuận được chia**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Lợi nhuận được chia	1.719.351.110
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Lợi nhuận được chia	1.791.297.227
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Lợi nhuận được chia	646.220.598
Công ty TNHH Vtải Duyên Hải Phú Thọ	Lợi nhuận được chia	5.559.805.009
Công Ty TNHH Container Minh Thành	Lợi nhuận được chia	1.258.530.920

Cộng**10.975.204.864****27.2.6 Lãi cho vay****Số tiền (đồng)**

Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	333.704.556
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	302.177.777
Công ty TNHH MTV Vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	406.022.222
Công ty TNHH Container Minh Thành	834.241.666

Cộng**1.876.146.221****27.3 Số dư giao dịch với các bên liên quan****27.3.1 -Đầu tư ngắn hạn khác****Mối quan hệ****Tại ngày 30/06/2014**

Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	Cho vay	7.900.000.000
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	Cho vay	4.900.000.000

Cộng**12.800.000.000****27.3.2 -Các khoản phải thu****Tại ngày 30/06/2014**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con	193.999
Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	Công ty con	205.333.334
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	Công ty con	600.000
Công ty TNHH t/trang mỹ phẩm Duyên Hải	Công ty con	116.645.989

Cộng**322.773.322****27.3.3 -Các khoản phải thu khác****Tại ngày 30/06/2014**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con	58.916.000
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con	58.666.667
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	Công ty con	127.148.500
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con	132.863.889

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2014

	<i>Cộng</i>		377.595.056
27.3.4	- Đầu tư dài hạn khác		<u>Tại ngày 30/06/2014</u>
	Công ty TNHH Container Minh Thành	Cho vay	15.035.000.000
	Công ty TNHH Vận tải Đa phương thức Duyên Hải HN	Cho vay	9.600.000.000
	<i>Cộng</i>		24.635.000.000
27.3.5	- Phải trả người bán		<u>Tại ngày 30/06/2014</u>
	Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	Công ty con	635.370.104
	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	Công ty con	352.881.822
	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con	62.260.000
	<i>Cộng</i>		1.050.511.926
27.3.6	-Người mua trả tiền trước		<u>Tại ngày 30/06/2014</u>
	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con	657.000.000
	<i>Cộng</i>		657.000.000
27.3.7	Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát		<u>6 tháng năm 2014</u>
	Thù lao, thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc		662.067.917

28 Quản trị rủi ro tài chính.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả phải nộp khác. Mục đích của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua của các công cụ này.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có 4 loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư.

Rủi ro lãi suất

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2014

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến nghĩa vụ nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính bao gồm cả tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư trong tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ đã được trình bày ở trên và Công ty nhận thấy rủi ro tín dụng đối với khoản mục này là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp phải khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty thực hiện giám sát rủi ro thanh khoản thông qua duy trì một lượng tiền mặt và các khoản vay ngân hàng mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng các hoạt động của Công ty, để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

29 Công cụ tài chính (Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính)

Công ty chưa tiến hành xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính do chưa có hướng dẫn cụ thể từ cơ quan quản lý. Bảng dưới đây sẽ trình bày giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Đơn vị tính: đồng	
	Giá trị ghi sổ tại ngày 30/06/2014	Giá trị ghi sổ tại ngày 30/06/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.781.033.681	3.237.097.500
Đầu tư ngắn hạn khác	12.800.000.000	21.080.784.149

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2014

Phải thu khách hàng	1.707.435.487	4.896.446.635
Phải thu khác	8.557.360.803	7.037.922.451
Đầu tư dài hạn	24.635.000.000	13.055.403.594
Cộng	54.480.829.971	49.307.654.329
Nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ tại ngày 30/06/2014	Giá trị ghi sổ tại ngày 30/06/2013
Ngắn hạn		
Vay và nợ ngắn hạn	15.887.879.202	4.494.531.180
Phải trả người bán	1.087.723.041	2.133.108.218
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.147.969.811	1.225.950.801
Dài hạn		
Phải trả dài hạn khác	304.999.998	-
Vay và nợ dài hạn	-	746.000.000
Cộng	18.428.572.052	8.599.590.199

VII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trên báo cáo Lưu chuyển tiền tệ (Đơn vị tính: đồng)**30 Một số thông tin bổ sung trên báo cáo LCTT**

a. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	Kỳ này	Kỳ trước
Vay ngân hàng trả trực tiếp cho nhà cung cấp	5.535.205.991	725.399.354
Cộng	5.535.205.991	725.399.354
b. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi	12.033.592	29.699.120
Lợi nhuận được chia	6.696.129.734	19.285.996.131
1 Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	68.804.816	1.346.797.200
2 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	2.135.163.327	3.180.000.000
3 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	1.867.851.876	1.374.770.505
4 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	1.600.000.000	13.064.428.426
5 Công ty TNHH Container Minh Thành	1.024.309.715	240.000.000
6 Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	-	80.000.000
Lãi cho vay	1.925.749.034	17.053.911
Cộng	8.633.912.360	19.332.749.162
c. Tiền chi cho vay	Kỳ này	Kỳ trước
1 Công ty TNHH Container Minh Thành	1.000.000.000	2.917.000.000
2 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	1.300.000.000	5.550.000.000
3 Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	1.950.000.000	14.294.982.453

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2014

4 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	-	4.468.000.000
5 Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải HN	-	2.000.000.000
Cộng	4.250.000.000	29.229.982.453
d. Thù hồi tiền cho vay	Kỳ này	Kỳ trước
1 Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	1.609.500.000	10.802.346.449
2 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	3.400.000.000	3.290.000.000
3 Công ty TNHH Container Minh Thành	2.465.000.000	6.045.000.000
4 Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải HN	1.000.000.000	87.529.279
5 Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	-	638.835.000
Cộng	8.474.500.000	20.863.710.728
e. Cổ tức trả cho chủ sở hữu	Kỳ này	Kỳ trước
Trả cổ tức bằng tiền cho cổ đông hiện hữu	12.699.515.864	6.321.460.600

VIII Thông tin khác**31 Thông tin so sánh:**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2013 và Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2013 của đơn vị đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

32 Thông tin về tính hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải khẳng định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

33 Thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do sự áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo các cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Người lập

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 29 tháng 07 năm 2014

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Thu Thủy

Nguyễn Thu Thủy

Bùi Chí Hùng



PHỤ LỤC 01

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm		31.348.182	13.847.373.207	84.565.366	13.963.286.755
- Mua trong kỳ					-
- XDCB hoàn thành		-	-	-	-
- Tăng khác	-		-		-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác	-			-	-
Số dư cuối kỳ	-	31.348.182	13.847.373.207	84.565.366	13.963.286.755
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm		14.803.308	5.744.789.394	59.057.789	5.818.650.491
- Khấu hao trong kỳ		5.224.697	711.887.966	4.372.727	721.485.390
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác	-		-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	20.028.005	6.456.677.360	63.430.516	6.540.135.881
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	-	16.544.874	8.102.583.813	25.507.577	8.144.636.264
- Tại ngày cuối kỳ	-	11.320.177	7.390.695.847	21.134.850	7.423.150.874

PHU LỤC 02:

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Cổ phiếu Quỹ	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	128.700.000.000	9.615.359.500	177.909.956	(982.776.400)	38.901.772.468	176.412.265.524
Tăng vốn trong năm trước	-					-
Lãi trong năm trước			-		27.270.867.540	27.270.867.540
Tăng khác		-	47.624.082		-	47.624.082
Giảm vốn trong năm trước	-		-		-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-		-	-
Giảm khác	-	-	-	1.542.013.500	15.938.174.740	17.480.188.240
						-
2. Số dư cuối năm trước	128.700.000.000	9.615.359.500	225.534.038	(2.524.789.900)	50.234.465.268	186.250.568.906
3. Số dư đầu năm nay	128.700.000.000	9.615.359.500	225.534.038	(2.524.789.900)	50.234.465.268	186.250.568.906
Tăng vốn trong kỳ này		-				-
Lãi trong kỳ	-	-	-		12.430.559.868	12.430.559.868
Tăng khác	-	-	111.972.062			111.972.062
Giảm vốn trong kỳ này	-	-				-
Lỗ trong kỳ	-	-				-
Giảm khác	-	-		-	16.650.836.906	16.650.836.906
						-
4. Số dư cuối kỳ	128.700.000.000	9.615.359.500	337.506.100	(2.524.789.900)	46.014.188.230	182.142.263.930